

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI
DẦU KHÍ CỬU LONG**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2009**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN | 2 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 3 - 4 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 5 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 6 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 7 - 20 |

Ông Hoàng Văn Toán
Bà Phạm Thị Đào
Bà Nguyễn Thị Kim...

Ban Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn
Ông Lê Thành...

Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010
Ban Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải dầu khí Cửu Long
thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010 về tình hình hoạt động kinh doanh và kết
quả hoạt động lập báo cáo tài chính năm 2010 của Ban Giám đốc được yêu cầu

- Phân tích các chính sách kế toán được áp dụng và áp dụng các chính sách
- Phân tích các số liệu và chỉ số tài chính, quản lý và thanh toán
- Nếu có các khoản nợ phải trả thì được trình bày theo thời hạn thanh toán
còn được công bố và giải thích công bố hợp tác trình bày theo
- Lập báo cáo tài chính năm 2010 và lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong
hoạt động kinh doanh
- Thiết kế và thực hiện kế hoạch quản lý tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải dầu khí Cửu Long
phân tích một cách hợp lý đối với các khoản nợ phải trả và các khoản
chính toán thủ các chi phí vận chuyển và
kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải dầu khí
thực hiện các biện pháp quản lý hợp lý nhằm hạn chế

Ban Giám đốc các nhà cung cấp đã được thanh toán và

Chấp hành và duy trì các chính sách
**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ VẬN TẢI
DẦU KHÍ
CỬU LONG**
Số 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Nguyễn Quyết Thắng
Tổng Giám đốc
Số 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh 7010

Số: 155 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 5 tháng 3 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2009 | | 31/12/2008 | |
|--|------------|-------------|------------------------|--|------------------------|--|
| | | | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 125.275.004.209 | | 160.961.265.823 | |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 76.565.955.802 | | 75.688.440.101 | |
| 1. Tiền | 111 | | 7.565.955.802 | | 1.274.400.701 | |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 69.000.000.000 | | 74.414.039.400 | |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 6 | 8.687.705.000 | | 24.066.800.000 | |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 11.853.396.000 | | 29.015.686.000 | |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | (3.165.691.000) | | (4.948.886.000) | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 31.598.531.045 | | 46.749.807.387 | |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 15.237.956.572 | | 8.125.621.309 | |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 18.725.708.436 | | 18.922.220.090 | |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | | 1.649.174.037 | | 19.701.965.988 | |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (4.014.308.000) | | - | |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 7 | 1.888.039.977 | | 730.413.728 | |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 1.888.039.977 | | 730.413.728 | |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 6.534.772.385 | | 13.725.804.607 | |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 2.519.371.908 | | 881.951.250 | |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 3.071.848.369 | | 11.628.613.024 | |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 943.552.108 | | 1.215.240.333 | |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 184.415.642.594 | | 125.222.346.509 | |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 173.369.558.437 | | 114.391.394.569 | |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 8 | 165.918.281.450 | | 112.225.666.016 | |
| - Nguyên giá | 222 | | 190.290.527.977 | | 119.906.648.875 | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (24.372.246.527) | | (7.680.982.859) | |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 9 | 413.672.626 | | 33.000.000 | |
| - Nguyên giá | 228 | | 443.967.020 | | 33.000.000 | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (30.294.394) | | - | |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 10 | 7.037.604.361 | | 2.132.728.553 | |
| II. Bất động sản đầu tư | 240 | 11 | 8.511.460.000 | | 8.501.460.000 | |
| - Nguyên giá | 241 | | 8.511.460.000 | | 8.501.460.000 | |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.534.624.157 | | 2.329.491.940 | |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 12 | 2.042.130.393 | | 2.065.419.940 | |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 13 | 228.421.764 | | - | |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 264.072.000 | | 264.072.000 | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 309.690.646.803 | | 286.183.612.332 | |

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009


MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2009 | 31/12/2008 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 84.428.687.848 | 65.043.578.852 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 49.099.433.033 | 63.906.732.134 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 14 | 8.352.134.969 | 50.703.538.910 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 36.165.494.642 | 11.273.257.596 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 34.247.972 | 539.766.287 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | | 137.790.121 | 49.961.476 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 2.653.456.821 | 424.945.909 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | 329.280.000 | 181.955.308 |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | | 1.427.028.508 | 733.306.648 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 35.329.254.815 | 1.136.846.718 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 333 | 15 | 2.841.154.839 | 1.125.724.613 |
| 2. Vay và nợ dài hạn | 334 | 16 | 32.487.339.476 | - |
| 3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 760.500 | 11.122.105 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 225.261.958.955 | 221.140.033.480 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 17 | 225.261.958.955 | 221.140.033.480 |
| 1. Vốn điều lệ | 411 | | 230.000.000.000 | 230.000.000.000 |
| 2. Lỗ lũy kế | 420 | | (4.738.041.045) | (8.859.966.520) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 309.690.646.803 | 286.183.612.332 |



Nguyễn Quyết Thắng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 5 tháng 3 năm 2010


 Phạm Thị Ánh Tuyết
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | | |
|--|-----------|-------------|-------------------|-------------------|
| | | | 2009 | 2008 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 18 | 285.470.709.732 | 151.006.340.364 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | (6.711.948) | (736.730) |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 285.463.997.784 | 151.005.603.634 |
| 4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ | 11 | 19 | (274.286.849.624) | (145.506.996.998) |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 11.177.148.160 | 5.498.606.636 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 20 | 14.501.672.897 | 6.559.652.295 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 21 | (1.682.846.793) | (7.323.812.287) |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | (1.682.846.793) | (2.369.677.567) |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | (1.034.525.197) | (103.538.664) |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | (19.093.961.994) | (11.246.485.527) |
| 10. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 3.867.487.073 | (6.615.577.547) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 515.275.264 | 31.780.264 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | (489.258.626) | (135.108.139) |
| 13. Lợi nhuận/(lỗ) khác | 40 | | 26.016.638 | (103.327.875) |
| 14. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế | 50 | | 3.893.503.711 | (6.718.905.422) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 22 | - | - |
| 16. Thuế thu nhập hoãn lại | 52 | 13 | 228.421.764 | - |
| 17. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế | 60 | | 4.121.925.475 | (6.718.905.422) |
| 18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 23 | 169 | (373) |



Nguyễn Quyết Thắng
Tổng Giám đốc
 Ngày 5 tháng 3 năm 2010

(Handwritten signature)
Phạm Thị Ánh Tuyết
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGSố 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | | |
|--|-----------|-------------------------|--------------------------|
| | | 2009 | 2008 |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế | 01 | 3.893.503.711 | (6.718.905.422) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 16.818.779.187 | 7.540.278.998 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 2.231.113.000 | 4.948.886.000 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (8.063.249.066) | (5.617.083.107) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 1.682.846.793 | 2.369.677.567 |
| 3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 16.562.993.625 | 2.522.854.036 |
| Giảm/(tăng) các khoản phải thu | 09 | 20.743.547.332 | (26.072.910.390) |
| Tăng hàng tồn kho | 10 | (1.157.626.249) | (730.413.728) |
| Tăng các khoản phải trả | 11 | 27.570.563.043 | 7.518.352.622 |
| Tăng chi phí trả trước | 12 | (1.614.131.111) | (2.682.165.547) |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (1.758.902.101) | (2.293.622.259) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 1.715.430.226 | 1.023.724.613 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (203.550.000) | (113.171.491) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 61.858.324.765 | (20.827.352.144) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (76.226.274.907) | (110.500.222.317) |
| 2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 22 | 409.523.810 | - |
| 3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các công ty khác | 23 | - | (21.900.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của công ty khác | 24 | 16.900.000.000 | 8.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác | 25 | - | (66.693.606.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty khác | 26 | 262.290.000 | 42.577.920.000 |
| 7. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia | 27 | 7.537.716.498 | 3.845.630.133 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (51.116.744.599) | (144.670.278.184) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | 31 | - | 88.941.000.000 |
| 2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 40.839.474.445 | 50.703.538.910 |
| 3. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (50.703.538.910) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (9.864.064.465) | 139.644.538.910 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 877.515.701 | (25.853.091.418) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 75.688.440.101 | 101.541.531.519 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 76.565.955.802 | 75.688.440.101 |



Nguyễn Quyết Thắng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 5 tháng 3 năm 2010

(Signature)
 Phạm Thị Ánh Tuyết
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

(Signature)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long (“gọi tắt là Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006914 ngày 4 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 196 người (năm 2008: 101 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán hàng hóa, kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi theo hợp đồng, theo tuyến cố định và cung cấp các dịch vụ khác.

Các chi nhánh của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Đại Hùng: 18A Nguyễn Cửu Vân, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Côn Sơn: 18 Nguyễn Cửu Vân, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trung tâm Bảo dưỡng và Kinh doanh Ô tô: 18 Nguyễn Cửu Vân, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Ninh Thuận: Xã Lợi Hải, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận.
- Chi nhánh Đồng Nai: A14, Khu phố 2, Xã Lộ Hà Nội, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Quảng Ngãi: Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Chi nhánh Vũng Tàu: 101 Lê Lợi, Phường 6, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC qui định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.



Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Các quy định tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC về việc xử lý chênh lệch tỷ giá không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính năm nay và các năm trước của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

| | <u>Năm</u> |
|----------------------------|------------|
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 10 |
| Máy móc và thiết bị | 8 - 10 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 8 |
| Phương tiện vận tải | 8 - 10 |



Me

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao đối với xe taxi theo Quyết định số 02 ngày 9 tháng 1 năm 2009 của Hội đồng Quản trị. Theo đó, thời gian khấu hao của xe taxi giảm từ 10 năm xuống còn 8 năm. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty.

Việc thay đổi thời gian khấu hao nêu trên đã làm chi phí khấu hao trong năm 2009 tăng 2.833.080.202 đồng và lợi nhuận trong năm 2009 giảm tương ứng 2.833.080.202 đồng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất để bán do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn sử dụng của phần mềm máy tính.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm máy bộ đàm và đồng hồ tính cước gắn trên xe taxi và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Máy bộ đàm và đồng hồ tính cước gắn trên xe taxi được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian bốn năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến bốn năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu từ dịch vụ taxi và các dịch vụ liên quan được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Me

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2009 VNĐ | 31/12/2008 VNĐ |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 32.353.791 | 61.379.032 |
| Tiền gửi ngân hàng | 7.533.602.011 | 1.213.021.669 |
| Các khoản tương đương tiền | 69.000.000.000 | 74.414.039.400 |
| | <u>76.565.955.802</u> | <u>75.688.440.101</u> |

Các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi tiết kiệm với thời hạn dưới ba tháng với lãi suất hàng tháng từ 0,78% đến 1,08%.



Me

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | 31/12/2009 | 31/12/2008 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 5.000.000.000 | 21.900.000.000 |
| Đầu tư chứng khoán ngắn hạn | 6.853.396.000 | 7.115.686.000 |
| | 11.853.396.000 | 29.015.686.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn | (3.165.691.000) | (4.948.886.000) |
| | 8.687.705.000 | 24.066.800.000 |

7. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2009 | 31/12/2008 |
|------------------|----------------------|--------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Nguyên vật liệu | 239.500.269 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 1.090.671.030 | 355.971.266 |
| Hàng hóa | 557.868.678 | 374.442.462 |
| | 1.888.039.977 | 730.413.728 |

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng vật kiến trúc <u>VNĐ</u> | Máy móc thiết bị <u>VNĐ</u> | Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u> | Thiết bị văn phòng <u>VNĐ</u> | Tổng <u>VNĐ</u> |
|--------------------------------------|--|-----------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 1/1/2009 | 14.258.760 | 643.117.935 | 118.340.592.753 | 908.679.427 | 119.906.648.875 |
| Tăng trong năm | - | 38.335.223 | - | 37.270.384 | 75.605.607 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 794.416.076 | 608.849.641 | 69.394.206.455 | 66.589.800 | 70.864.061.972 |
| Thanh lý | - | - | (555.788.477) | - | (555.788.477) |
| Tại ngày 31/12/2009 | <u>808.674.836</u> | <u>1.290.302.799</u> | <u>187.179.010.731</u> | <u>1.012.539.611</u> | <u>190.290.527.977</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 1/1/2009 | 148.291 | 21.503.919 | 7.523.081.194 | 136.249.455 | 7.680.982.859 |
| Khấu hao trong năm | 111.225.859 | 135.590.197 | 16.413.472.245 | 128.196.492 | 16.788.484.793 |
| Giảm do thanh lý | - | - | (97.221.125) | - | (97.221.125) |
| Tại ngày 31/12/2009 | <u>111.374.150</u> | <u>157.094.116</u> | <u>23.839.332.314</u> | <u>264.445.947</u> | <u>24.372.246.527</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 31/12/2009 | <u>697.300.686</u> | <u>1.133.208.683</u> | <u>163.339.678.417</u> | <u>748.093.664</u> | <u>165.918.281.450</u> |
| Tại ngày 31/12/2008 | <u>14.110.469</u> | <u>621.614.016</u> | <u>110.817.511.559</u> | <u>772.429.972</u> | <u>112.225.666.016</u> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 58.661.492.666 đồng để đảm bảo cho khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (xem Thuyết minh số 14 và 16).



Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGSố 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Phần mềm máy tính VNĐ |
|-----------------------------------|--------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | |
| Tại ngày 1/1/2009 | 33.000.000 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 410.967.020 |
| Tại ngày 31/12/2009 | <u>443.967.020</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | |
| Tại ngày 1/1/2009 | - |
| Khấu hao trong năm | (30.294.394) |
| Tại ngày 31/12/2009 | <u>(30.294.394)</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | |
| Tại ngày 31/12/2009 | <u>413.672.626</u> |
| Tại ngày 31/12/2008 | <u>33.000.000</u> |

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 2009 VNĐ | 2008 VNĐ |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | 2.132.728.553 | 3.438.792.499 |
| Tăng | 76.179.904.800 | 1.162.752.488 |
| Kết chuyển sang tài sản cố định | (71.275.028.992) | (2.468.816.434) |
| Số dư cuối năm | <u>7.037.604.361</u> | <u>2.132.728.553</u> |

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, bất động sản đầu tư bao gồm chi phí đầu tư vào ba lô đất nền số 8 lô A, số 20 lô A và số 43 lô E thuộc dự án Khu dân cư Phước Long A, Bắc Rạch Chiếc, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 8.511.460.000 đồng (năm 2008: 8.501.460.000 đồng). Ban Giám đốc Công ty cho rằng giá trị hợp lý của các lô đất trên tương đương với giá trị ghi sổ, do đó, không cần thiết phải trích lập dự phòng.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | 2009 VNĐ | 2008 VNĐ |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | 2.065.419.940 | - |
| Tăng | 964.224.252 | 2.856.259.180 |
| Phân bổ vào chi phí trong năm | (987.513.799) | (790.839.240) |
| Số dư cuối năm | <u>2.042.130.393</u> | <u>2.065.419.940</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**Lỗ được chuyển
VND

| | |
|--------------------------------------|--------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009 | - |
| Chuyển sang lợi nhuận trong năm | 228.421.764 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 | 228.421.764 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có khoản lỗ với tổng số là 913.687.057 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 6.395.387.561 đồng) có thể được chuyển sang để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận với số tiền 228.421.764 đồng (năm 2008: 0 đồng) theo khoản lỗ trên. Năm 2008, Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai. Các khoản lỗ được chuyển trong thời hạn tối đa năm năm kể từ năm phát sinh lỗ.

Các khoản lỗ được chuyển của Công ty sẽ hết hạn theo lịch biểu sau:

| Năm | Các khoản lỗ tính thuế <u>VND</u> |
|------|---|
| 2013 | 913.687.057 |
| | 913.687.057 |

Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập nào khác được ghi nhận vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

14. CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

| | 31/12/2009 <u>VND</u> | 31/12/2008 <u>VND</u> |
|-------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vay ngắn hạn | - | 50.703.538.910 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 8.352.134.969 | - |
| | 8.352.134.969 | 50.703.538.910 |

15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác thể hiện các khoản tiền nhận ký quỹ dài hạn từ tài xế xe taxi. Khoản ký quỹ này được hoàn trả khi Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với tài xế xe taxi.

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn thể hiện các khoản vay như sau:

- Tại ngày 1 tháng 7 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Công ty Cổ phần Tài chính Dầu Khí, Chi nhánh Hà Nội với số tiền 40.638.000.000 đồng. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2010 đến ngày 1 tháng 12 năm 2014. Khoản vay chịu lãi với lãi suất bằng lãi suất huy động vốn cá nhân 12 tháng bằng đồng Việt Nam loại trả cuối kỳ cộng 2,52% một năm và được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

vay được hỗ trợ lãi suất đến hết 31 tháng 12 năm 2011 với mức lãi suất hỗ trợ 4%/năm. Lãi suất áp dụng cho năm 2009 là 6,08% - 8,00%/năm. Lãi vay được trả hàng tháng và nợ gốc được trả hàng năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã được giải ngân với tổng số tiền 37.297.339.845 đồng.

- Tại ngày 7 tháng 7 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 570.066.800 đồng để mua một xe ô tô. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ quý 3 năm 2009 đến quý 2 năm 2014. Khoản vay chịu lãi với lãi suất hàng năm bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương cộng 4% và được điều chỉnh 3 tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm. Tiền lãi được trả hàng tháng, nợ gốc được thanh toán hàng quý.
- Tại ngày 16 tháng 11 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 3 tỷ đồng để thực hiện dự án mua 2 xe bồn vận chuyển LPG. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ tháng 12 năm 2010 đến tháng 12 năm 2013. Khoản vay chịu lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 1%/tháng từ 30 tháng 12 năm 2009 đến 30 tháng 3 năm 2010 và được hỗ trợ lãi suất 4%/năm trong vòng 24 tháng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2009. Tiền lãi được trả hàng tháng, nợ gốc được thanh toán hàng quý. Lãi suất cho năm đầu tiên là 8%/năm.

Công ty đã sử dụng tài sản cố định hình thành từ các hợp đồng vay là phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay nêu trên (xem Thuyết minh số 8).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | 31/12/2009 | 31/12/2008 |
|---|------------------------------|------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Trong vòng một năm | 8.352.134.969 | - |
| Trong năm thứ hai | 8.323.601.569 | - |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | 24.163.737.907 | - |
| | <u>40.839.474.445</u> | - |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn) | (8.352.134.969) | - |
| Số phải trả sau 12 tháng | <u>32.487.339.476</u> | <u>-</u> |

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

| | Vốn điều lệ | Lỗ lũy kế | Tổng |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Số dư tại 1/1/2008 | 141.059.000.000 | (2.141.061.098) | 138.917.938.902 |
| Vốn góp trong năm | 88.941.000.000 | - | 88.941.000.000 |
| Lỗ trong năm | - | (6.718.905.422) | (6.718.905.422) |
| Số dư tại ngày 31/12/2008 | <u>230.000.000.000</u> | <u>(8.859.966.520)</u> | <u>221.140.033.480</u> |
| Lợi nhuận trong năm | - | 4.121.925.475 | 4.121.925.475 |
| Số dư tại ngày 31/12/2009 | <u>230.000.000.000</u> | <u>(4.738.041.045)</u> | <u>225.261.958.955</u> |



Me

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGSố 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Vốn điều lệ của Công ty**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, vốn điều lệ đã được các cổ đông đóng góp là 230.000.000.000 đồng. Cổ đông chủ yếu của Công ty là các Công ty thành viên trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Công ty là công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí, một cổ đông của Công ty với tỷ lệ vốn góp cam kết và quyền biểu quyết lần lượt là 23% và 60%.

Giá trị cổ phần và số cổ phiếu của Công ty như sau:

| | 31/12/2009 | 31/12/2008 |
|---|---------------|---------------|
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ | 23.000.000 | 23.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu chưa phát hành và chưa được góp vốn | 7.000.000 | 7.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu (đồng) | <u>10.000</u> | <u>10.000</u> |

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Trong trường hợp các cổ đông sáng lập không mua hết số cổ phần được quyền chào bán thì số cổ phần còn lại phải được chào bán và bán hết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày 4 tháng 6 năm 2007 (ngày thành lập).

Dưới đây là thông tin về lượng cổ phần nắm giữ và số vốn thực tế góp của các cổ đông sáng lập và các cổ đông lớn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009:

| | 31/12/2009 | | 31/12/2008 | |
|--|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | VND | % | VND | % |
| Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm khí | 49.435.000.000 | 21% | 49.435.000.000 | 21% |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam | 11.009.280.000 | 5% | 11.009.280.000 | 5% |
| Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí | 30.000.000.000 | 13% | 30.000.000.000 | 13% |
| Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí | 15.000.000.000 | 7% | 15.000.000.000 | 7% |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí | 21.540.000.000 | 9% | 21.540.000.000 | 9% |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí | 52.037.720.000 | 23% | 52.037.720.000 | 23% |
| Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Sông Đà | 30.000.000.000 | 13% | 30.000.000.000 | 13% |
| Các cổ đông khác | 20.978.000.000 | 9% | 20.978.000.000 | 9% |
| | <u>230.000.000.000</u> | <u>100%</u> | <u>230.000.000.000</u> | <u>100%</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. DOANH THU**

| | 2009 | 2008 |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Doanh thu bán hàng | 233.234.571.010 | 129.670.541.538 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 52.236.138.722 | 21.335.798.826 |
| | <u>285.470.709.732</u> | <u>151.006.340.364</u> |

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | 2009 | 2008 |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp | 226.067.762.464 | 127.285.069.942 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 48.219.087.160 | 18.221.927.056 |
| | <u>274.286.849.624</u> | <u>145.506.996.998</u> |

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2009 | 2008 |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Lãi tiền gửi | 8.112.292.608 | 5.637.236.709 |
| Lãi đầu tư chứng khoán | 155.310.000 | 115.958.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 200.204 | 48.120.086 |
| Thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh | 4.435.770.085 | 758.337.500 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán | 1.798.100.000 | - |
| | <u>14.501.672.897</u> | <u>6.559.652.295</u> |

Thu nhập từ hoạt động hợp tác kinh doanh thể hiện khoản tiền lãi nhận được từ hoạt động hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Tuấn Minh và Công ty TNHH Thịnh Phát.

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2009 | 2008 |
|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán | - | 4.948.886.000 |
| Chi phí lãi vay | 1.682.846.793 | 2.369.677.567 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | - | 1.114.895 |
| Chi phí tài chính khác | - | 4.133.825 |
| | <u>1.682.846.793</u> | <u>7.323.812.287</u> |



A handwritten signature in blue ink, located at the bottom right corner of the page.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

| | 2009 VNĐ | 2008 VNĐ |
|---|----------------------|------------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại | | |
| Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế | 3.893.503.711 | (6.718.905.422) |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | (94.650.000) | (302.761.333) |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 1.682.846.793 | 2.531.940.292 |
| Thu nhập tính thuế | 5.481.700.504 | (4.489.726.463) |
| Chuyển lỗ tính thuế của các năm trước | (5.481.700.504) | - |
| Thu nhập tính thuế cho năm nay | - | (4.489.726.463) |
| Thuế suất thông thường | 25% | 28% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại (xem Thuyết minh số 13) | 228.421.764 | - |
| | 228.421.764 | - |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế sau khi chuyển lỗ phát sinh trong các năm trước.

23. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

| | 2009 VNĐ | 2008 VNĐ |
|--|---------------|-----------------|
| Lợi nhuận/(lỗ) cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 4.121.925.475 | (6.718.905.422) |
| Trừ: Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại | (228.421.764) | - |
| Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 3.893.503.711 | (6.718.905.422) |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản | 23.000.000 | 18.028.882 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 169 | (373) |

Trong năm và đến ngày lập báo cáo này, không có sự kiện nào khác dẫn đến khả năng giảm lãi trên cổ phiếu của Công ty.

24. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

| | 2009 VNĐ | 2008 VNĐ |
|---|-------------|-------------|
| Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm | 992.631.089 | 963.072.000 |



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

| | 31/12/2009 | 31/12/2008 |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Trong vòng một năm | 1.225.248.000 | 990.072.000 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 2.836.767.200 | 2.379.216.000 |
| | <u>4.062.015.200</u> | <u>3.369.288.000</u> |

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng tại số 18 Nguyễn Cửu Vân, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và các hợp đồng thuê đất khác. Các hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm kể từ năm 2007.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

| | 2009 | 2008 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Mua hàng và dịch vụ | | |
| Mua xe từ Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Sông Đà | 45.482.503 | 44.581.888.418 |
| Mua LPG từ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Hóa Lông Miền Nam | - | 7.200.439.101 |
| Mua LPG từ Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí | 154.963.673.517 | 33.652.233.908 |
| Mua bảo hiểm xe của Công ty Bảo hiểm Dầu khí Bến Thành | 138.326.791 | 790.545.633 |
| Mua LPG từ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu | 360.111.000 | 1.747.926.728 |
| Chi nhánh Tổng Cty Dầu Việt Nam – Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 1.649.727.272 | - |
| Chi nhánh Công ty Đầu tư Phát triển Gas đô thị PVI Sài Gòn | 1.221.923.182 | - |
| | <u>1.501.403.546</u> | <u>-</u> |
| Thuê dịch vụ | | |
| Thuê văn phòng của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí | - | 80.009.293 |
| Đầu tư | | |
| Gửi tiết kiệm có kỳ hạn - Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam | 5.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| Thu hồi - Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại V&R | - | 8.000.000.000 |
| Vay vốn | | |
| Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam | <u>40.297.339.845</u> | <u>50.703.538.910</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGSố 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Cung cấp hàng và dịch vụ**

| | | |
|---|---------------|-------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu | 7.080.271.561 | 218.181.818 |
| Tổng Công ty Phân bón & Hóa chất Dầu khí | 2.425.420.129 | 452.563.036 |
| Công ty TNHH Phân bón & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ | 901.916.968 | 84.143.636 |
| Công ty Liên doanh Khí Hóa Lông Việt Nam | - | 622.183.155 |
| Công ty TNHH Phân bón & Hóa chất Dầu khí | 472.325.434 | 35.190.736 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam | 316.457.476 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư & Sản xuất PETRO Miền Trung | 3.394.976.647 | - |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Phân bón và Hóa chất Dầu khí | 472.325.434 | - |
| Chi nhánh – Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam | 783.820.965 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đồng Tiến - Chi nhánh Vũng Tàu | 224.729.966 | - |
| Chi nhánh Phía Nam – Công ty TNHH MTV Quản lý & Khai thác Tài sản Dầu khí | 226.258.582 | - |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên | 8.277.019.635 | - |
| Công ty Nhập khẩu và Phân phối than Dầu khí | 331.668.889 | - |
| Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông | 228.515.261 | - |

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:

| | 2009 | 2008 |
|-------------------------|-------------|-------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Lương và các khoản khác | 800.969.034 | 666.764.800 |

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | 31/12/2009 | 31/12/2008 |
|---|-------------|-------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Các khoản phải thu | | |
| Tổng Công ty Phân bón & Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ Phần | 831.712.610 | 143.012.463 |
| Công ty TNHH Phân bón & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ | 263.495.130 | 59.224.000 |
| Công ty Liên doanh Khí Hóa lỏng Việt Nam | - | 202.707.725 |
| Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông | 231.940.804 | - |
| Các khoản ứng trước cho nhà cung cấp | | |
| Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam – PV Media | 34.457.500 | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các khoản phải trả**

| | | |
|---|----------------|---------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí | - | 33.524.242 |
| Công ty Liên doanh Khí hóa lỏng Việt Nam | - | 1.211.351.596 |
| Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí | 30.156.591.916 | 6.563.339.348 |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Sông Đà | - | 1.614.510.810 |

Đầu tư ngắn hạn

| | | |
|---|---------------|---------------|
| Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam | 5.000.000.000 | 4.000.000.000 |
|---|---------------|---------------|

Vay ngắn hạn

| | | |
|---|----------------|----------------|
| Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam | 40.297.339.845 | 50.703.538.910 |
|---|----------------|----------------|

*Handwritten signature*